

(26) Chương bốn: SÁCH 1-2 MA-CA-BÊ (*)

Neil J. McEleney, C.S.P.

Tài liệu Tham khảo

- Abel, F. M., *Les livres des Maccabées* [Các sách Ma-ca-bê] (EBib; ấn bản lần thứ 2; Paris, 1949).
- Abel, F. M. và J. Starcky, *Les livres des Maccabées* [Các sách Ma-ca-bê] (ấn bản lần thứ 3; Paris, 1961).
- Bartlett, J. R., *The First and Second Books of the Maccabees* [Các sách Ma-ca-bê thứ nhất và thứ hai] (London, 1973).
- Bickermann, E., *The God of the Maccabees* (Thiên Chúa của Ma-ca-bê] (Leiden, 1979).
- Bringmann, K., *Hellenistische Reform und Religionsverfolgung in Judäa* [Cải cách theo văn hóa Hy Lạp và đàn áp tôn giáo ở Giu-đêa] (Göttingen, 1983).
- Collins, J. J., *Daniel, First Maccabees, Second Maccabees* (Đa-ni-en, Sách Ma-ca-bê đầu tiên, Sách Ma-ca-bê thứ hai] (OTM; Wilmington, 1981).
- Corbishley, T., "1 and 2 Maccabees [1 và 2 Ma-ca-bê] ", *NCCHS* (NY, 1969).
- Dancy, J.C., *I Maccabees: A Commentary* [Ma-ca-bê: Bình Giải] (Oxford, 1954).
- Doran, R., *Temple Propaganda: The Purpose and Character of 2 Maccabees* [Tuyên truyền Đền thờ: Mục đích và đặc tính của 2Ma-ca-bê](CBQMS 12; Washington, 1981).
- Farmer, W. R., *Maccabees, Zealots, and Josephus* [Ma-ca-bê, Phái Nhiệt thành và Josephus] (NY, 1956).
- Fischer, T., *Seleukiden und Makkabäer* [Triều Xê-lê-u-kít và gia đình Ma-ca-bê](Bochum, 1980).
- Goldstein, J., *I Maccabees* (AB 41; NY, 1976); *II Maccabees* (AB 41A; NY, 1983).
- Hanhhan, R., *Maccabaeorum Liber II* [Sách Ma-ca-bê II](Göttingen, 1959).
- Kappler, W., *Maccabaeorum Liber I* [Sách Ma-ca-bê I] (ấn bản lần thứ 2; Göttingen, 1967).
- Lefevre, A., "Maccabees, Les livres des, [[Các Sách Ma-ca-bê]" *DBSup* 5. 597-612.
- Moffatt, J., "2 Maccabees;" *APOT* 1. 125-54.
- Oesterley, W. O. E., "1 Maccabees," *APOT* 1. 59-124.
- Osry, E. và J. Trinquet, *La Bible: Premier et Deuxieme Livres des Maccabees* [Kinh Thánh: Các sách Ma-ca-bê I và II] (Paris, 1971).
- Penn Penna, A., *Libri dei Maccabe!* [các sách Ma-ca-bê](Roma, 1953).
- Schaumberger, J., "Die Neue Seleukiden-Liste [Danh sách Xê-lê-u-kít mới] BM 35603" *Bib* 36 (1955) 423-35.
- Sisti, A., *I Maccabei: Libro Primo* [I Ma-ca-bê, Sách thứ nhất] (Roma, 1968); *I Maccabei: Libro Secundo* [I Ma-ca-bê, Sách thứ hai] (Roma, 1969).
- Tedesche, S. và S. Zeitlin, *The First Book of Maccabees* [Sách Maccabees đầu tiên] (NY, 1950); *The Second Book of Maccabees* [Sách Ma-ca-bê thứ hai] (NY, 1954)].

Dẫn nhập

(I).Tựa đề. Có bốn cuốn sách được biết đến với tựa đề "Ma-ca-bê". Cả bốn cuốn đều mang tên Giu-đa Ma-ca-bê [Judas Maccabeus], con trai thứ ba của tư tế Mattathias, người đã bắt đầu cuộc nổi loạn của người Do Thái chống lại người Xê-lê-u-kít vào năm 167 trước Công nguyên. Tên *Makkabaîos*, họ của

Giu-đa (1 Mcb 2:4), có lẽ bắt nguồn từ một dạng tiếng Do Thái, *maqabyāhū*, có nghĩa là "do Chúa chỉ định;" mặc dù một số nhà giải thích đã hiểu nó có nghĩa là "búa" (đánh kẻ thù) hoặc "đầu có búa" (liên quan đến khuyết tật về thể chất). Mỗi cách giải thích đều có người bảo vệ, nhưng nhiều khả năng cách giải thích đầu tiên là đúng, vì vị trí lãnh đạo của Giu-đa (1 Mcb 2:66) và danh dự giữa mọi người (1 Mcb 5:63-64) đòi hỏi ý nghĩa "được Chúa chỉ định" (xem Is 62:2) hơn là những cách giải thích mang tính chiến tranh hoặc thể chất hơn.

Cách chỉ danh sớm nhất cho 1 Mcb, có nguồn gốc từ tiếng Do Thái, có vẻ là cách được bảo tồn trong chú giải của Origen về Tv 1 (được trích dẫn trong Eusebius, *HE* 6..25.2) trong cụm từ *sarbēthsabana'iel* bị sai lệch về mặt văn bản. Khi cụm từ tiếng Do Thái này được sửa, nó tạo ra tiêu đề *sēper bēt śar bēnē 'ēl*, "sách về nhà của thủ lĩnh các con trai của Thiên Chúa". Có một tựa đề tương ứng trong phần mô tả về Simon (1 Mcb 14:27) như "lãnh tụ của dân Chúa".

Văn học Do Thái tiên khởi, bỏ qua danh hiệu này, thay vào đó sử dụng danh hiệu "Hát-mô-nê-ân" (Hasmonean) khi nhắc đến Giu-đa và gia đình ông. Hầu hết các học giả đều coi đây là tên tổ tiên. Do đó, Josephus, nhân chứng đầu tiên về điều này, nói về *Asamōnaios*, là cha của (J.W. 1.1.3 §36) hoặc ông nội (Ant. 12.6.1 §265) hoặc thậm chí là ông cố (không đọc *Asamōnaiou* đối lập với *Symeōnos*) của Mattathias, cha của Giu-đa và các anh em của ông (1 Mcb 2:1-5). Tuy nhiên, Zeitlin cho rằng thuật ngữ "Hát-mô-nê-ân" không phải là tên riêng mà là danh hiệu tôn kính tương đương với "hoàng tử" (*First Maccabees* 248).

Việc Kitô giáo nhắc rõ ràng sớm nhất tới những cuốn sách này - trong Clémentê thành Alexandria, gần đầu thế kỷ thứ 3 CN (*Strom.* 1.21.123) - trích dẫn *to (biblion) tôn Makkabaikōn*, "(cuốn sách) về những điều về Ma-ca-bê" Tựa đề ban đầu này, *ta makkabaika*, có lẽ đã được gắn vào phần đầu của 2 Mcb bởi người tóm tắt, khi ông tóm tắt tác phẩm của Jason thành Cyrene (2 Mcb 2: 19-32). Từ đó, nó được sử dụng làm tựa đề cho cuốn sách đầu tiên về những điều "về Ma-ca-bê", khi nó được dịch sang tiếng Hy Lạp. Sau thời Clémentê, cả tác giả tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh đều hơi thay đổi thuật ngữ này để nói tới những cuốn sách "về Ma-ca-bê".

(II). Tính qui điển. Sự vỡ mộng với chính trị của những người Hát-mô-nê-ân sau này, một phần, giải thích tại sao cộng đồng Qumran và những người Pharisiêu, cả hai đều là những người kế thừa của người Khi-xi-đim [Hasidean] (1 Mcb 2:42), lại không mấy coi trọng những cuốn sách Ma-ca-bê này. Cho đến nay, vẫn chưa có bản sao của bất cứ cuốn sách nào được tìm thấy ở Qumran, cũng như, như chúng ta có thể mong đợi, truyền thống của các giáo sĩ Do Thái, bắt nguồn từ Do Thái giáo thời biệt phái, đã bảo tồn bản văn tiếng Do Thái của

1 Mcb. Josephus, bản thân là một người Pharisiêu, phản ánh quan điểm thịnh hành của thế kỷ thứ nhất và Do Thái giáo sau đó khi ông loại bỏ những cuốn sách này khỏi những cuốn mà ông cho là thánh thiêng (*Ag. Ap.* 1.8 §38-41).

Tuy nhiên, trong cộng đồng Ki-tô giáo, 1 và 2 Mcb đã có số phận tốt hơn. Giáo hội Rôma đưa những tác phẩm này vào qui điển Kinh thánh của mình, chỉ ra một truyền thống cổ xưa. Người đầu tiên trích dẫn chúng vào cổ thời là Clémentê thành Alexandria. Tiếp theo là Hippolytô, Tertullianô, Origen, Cyprianô, Eusebius, Aphraates, Giê-rô-ni-mô, Augustinô và Theodoret. Các công đồng tỉnh Hippo (393) và Carthage (397 và 419) đã công nhận tính chất thánh thiêng của 1 và 2 Mcb, và các công đồng chung của Florence (1441), Trent (1546) và Vatican I (1870) tuyên bố chúng được Chúa linh hứng.

Tuy nhiên, Ki-tô giáo Thệ Phản không coi 1 và 2 Mcb là văn học qui điển, mặc dù họ dành cho những tác phẩm này một vị trí và sự tôn trọng đặc biệt trong số các tác phẩm ngụ thư.

(III) Văn bản và các phiên bản cổ.

Các nhân chứng chính của văn bản là các bản chữ hoa Hy Lạp và phiên bản Latinh Cổ. Bản gốc tiếng Do Thái của 1 Mcb đã thất lạc.

Văn bản qui điển tiếng Hy Lạp có thể được tìm thấy trong các bản chữ hoa S (Sinaiticus, thế kỷ thứ 4), A (Alexandrinus, thế kỷ thứ 5) và V (Venetus, thế kỷ thứ 8). Hai bản cuối cùng cũng chứa văn bản của 2 Mcb.

Tiếng Latinh Cổ (OL) được đại diện bởi ba bản chữ hoa thế kỷ thứ 9 - L (Lyon), X (Madrid) và G (Sangermanensis, thiếu 1 Mcb 14tt. và 2 Mcb) - và hai bản thế kỷ thứ 11-12, B (Bologna) và M (Milan, cho 2 Mcb).

Bản Phổ thông bắt nguồn từ OL và bản sửa đổi Lucianic của tiếng Hy Lạp. Nó có thể được tìm thấy trong một số bản chép tay và trong hai bộ P (Milan, các thế kỷ 9-10) và trong M (Milan, các thế kỷ 11-12 cho 1 Mcb).

(IV). Nguồn. Tác giả của 1 Mcb đã, ít nhất một phần, dựa vào hồi ức cá nhân của những người chứng kiến để kể về chiến công của Giu-đa. Điều không rõ ràng là tác phẩm này và phần trước của nó cũng có nguồn viết ở mức độ nào. Văn bản mơ hồ của 1 Mcb 9:22 (xem 1 Các Vua 11:41) đã được diễn giải theo nhiều cách khác nhau để dẫn đến một sử biên Giu-đa lớn hơn, đến các ghi chú bằng văn bản hoặc không có nguồn nào bằng văn bản. Bất kể nguồn nào cho những hành động của Giu-đa (và cha của ông), tác giả của 1 Mcb chắc chắn đã có kho bạc Đền thờ để sử dụng cho câu chuyện của mình về Jonathan và Simon. Trong kho lưu trữ của Đền thờ (1 Mcb 14:49), có lẽ được Nơ-khe-mi-a bắt đầu

(xem 2 Mcb 2:13), ông có thể dựa vào sử biên của chức tư tế thượng phẩm (1 Mcb 16:24; 10:21; 14:41) và các tài liệu chính thức sau đây có ghi ngày tháng:

THƯ	NGÀY	1 MCB
Thượng viện La Mã gửi Judas	161	8:23-32
Demetrius I gửi Jonathan	152	10:3-6
Alexander Balas gửi Jonathan	152	10:18-20
Demetrius I gửi Jonathan	152	10:25-45
Demetrius II gửi Jonathan	145	11:30-37
An-ti-ô-khô VI gửi Jonathan	145	11:57
Jonathan gửi Spartans	144	12:6-18
Arius gửi Onias ca.	300	12:20-23
Demetrius II gửi Simon	142	13:36-40

Những lá thư khác được đề cập trong 1 Mcb 1:41-51 và 5:10-13. Ngoài những tài liệu này và các nguồn khác mà ông lấy tư liệu, tác giả đã sử dụng cụ thể một nguồn Xê-lê-u-kít, trong chi tiết về lịch sử của đế quốc đó, đã cung cấp cho ông các điểm kiểm tra theo trình tự thời gian cho câu chuyện của riêng ông.

2 Mcb là tác phẩm của một nhà tóm tắt đã tóm tắt tác phẩm gồm năm tập của Jason xứ Cyrene (2 Mcb 2:23). Tuy nhiên, tác phẩm bắt đầu bằng hai lá thư mà nhà tóm tắt đã dịch sang tiếng Hy Lạp và thêm tiền tố vào tác phẩm của chính ông. Cả hai lá thư đều được gửi đến người Do Thái Ai Cập bởi những người anh em Palestine của họ và cả hai đều thúc giục việc tuân giữ lễ kỷ niệm việc tái cung hiến Đền thờ (năm 164).

Lá thư đầu tiên, 2 Mcb 1:1-10a, có niên đại là 124, có nhắc đến một lá thư khác (các câu 7-8) được viết vào năm 143. Lá thư thứ hai, 2 Mcb 1:10-2:18, không có niên đại, được Abel và Starcky (*Maccabees* 27-30) coi là có tính xác thực đáng kể và là một sự thống nhất về mặt văn học; họ gán nó cho một người đương thời với Giu-đa viết vào năm 164. Xem thêm B. Z. Wacholder, *HUCA* 49 (1978) 89-133. Các tác giả khác (W. Brownlee, *IDB* 3: 208; Dancy, *I Maccabees* 15-16; Eissfeldt, *OTI* 580-81; Goldstein, *II Maccabees* 154-88), coi đó là giả mạo, và thậm chí là một sự kết hợp, bởi vì 2 Mcb 1: 19-2: 15- phần bổ sung sau này- dường như làm gián đoạn dòng chảy của lá thư.

Tuy nhiên, nguồn chính của 2 Mcb là tác phẩm của Jason thành Cyrene, năm tập của ông đã được tác giả tóm tắt lại cho mục đích thần học của riêng ông.

Các nguồn của Jason tương tự như các nguồn của 1 Mcb, tức là, một truyền thống Giu-đa, một biên niên sử Xê-lêu-kít và các văn khố của Đền Thờ chứa các tài liệu sau:

THƯ	N.ĐẠI	2 MCB
An-ti-ô-khô IV gửi người D.Thái	164	9: 19-27
Ly-xi-a gửi người D.Thái	164	11: 16-21
Antioch us V gửi Ly-xi-a	163	11: 22-26
Antioch us IV gửi người D.Thái	164	11: 27-33
Tòa đ.sứ Rôma gửi người D.Thái	164	11: 34-38

Nhiều nguồn khác, cả trong Kinh thánh và ngoài Kinh thánh, được Goldstein gán cho 1-2 Mcb (ví dụ: *I Maccabees* 72, DMP giả định), W. Molleken, K.-D. Schunck và những người khác khá suy đoán và đã bị chỉ trích nghiêm trọng bởi, trong số những người khác, N. J. McEleney (*CBQ* 40 (1978] 92) và S. Kochavi (*BM* 28 (1982] 278-90).

(V) Sự thống nhất và tính chân chính. Tính chân chính của các chương cuối cùng của 1 Mcb đã bị J. von Destinon (*Die Quellen des Flaviius Josephus* [Nguồn gốc của Flavius Josephus] [Kiel, 1882]) đặt câu hỏi với lý do Josephus đã ngừng sử dụng 1 Mcb làm nguồn lịch sử của mình sau khi chọn Simon làm thầy thượng phẩm (Josephus, *Ant.* 13.6.7 §214; *1 Mcb* 13:42). Nhưng sự không liên tục này có thể được giải thích bằng việc Josephus trung thành với tác phẩm trước đó của chính mình, *Chiến tranh Do Thái* [Jewish War], trong đó ông dựa nhiều vào Nicolas thành Damascus, sử gia triều đình của Hê-rốt Đại đế, và rõ ràng là không biết về 1 Mcb. Một lời giải thích đơn giản hơn được đưa ra là bản sao 1 Mcb của Josephus thiếu cuộn cuối cùng. Trong một vấn đề khác, Oesterley (*APOT* 1. 61-62) đã đặt câu hỏi về tính chân chính của một số tài liệu được trích dẫn trong 1 Mcb.

Những lý thuyết này, mặc dù được một số người (ví dụ, Tedesche và Zeitlin, *First Maccabees* 29-32; xem 38-48), đã mất đi chỗ đứng kể từ khi nghiên cứu H. W. Ertleston (*The Integrity of I Maccabees* (New Haven, 1925]). Phán đoán của Dancy thể hiện quan điểm gần đây hơn: "Về mặt văn phong và kịch tính, cuốn sách là một thể thống nhất, và chỉ dựa trên những cơ sở đó, không còn đáng tin cậy khi tác phẩm như chúng ta có chứa nhiều nội dung xen kẽ sau này, không có tài liệu cũng như toàn bộ ba chương cuối cùng" (*1 Maccabees* 6).

Chống lại sự thống nhất của 2 Mcb, một số tác giả đã cho rằng có việc chen các thư mở đầu sau này và sự xáo trộn trình tự của văn bản khi so sánh với 1 Mcb.

Nhưng cách sắp xếp của 2 Mcb đã giải thích đầy đủ về cách sử dụng tác phẩm của Jason bởi tác giả và trong tác phẩm của riêng ông hoạt động thêm các lá thư mở đầu vào những gì ông đã biên soạn.

(VI) Thể loại và đặc điểm văn học.

1 Mcb mô tả sự giải cứu Do Thái giáo và sự trỗi dậy của triều đại Hát-mô-nê-ân. Đây là một tác phẩm lịch sử. Khi viết tác phẩm này, tác giả đã không lưu ý nhiều đến sự khéo léo văn chương. Điều này rõ ràng nhất từ cách các câu của ông được xâu chuỗi lại với nhau bằng liên từ tiếng Do Thái *waw* (tiếng Hy Lạp *kai*). Mặc dù các dịch giả thường giảm thiểu từ "và" lặp đi lặp lại này, nhưng đôi khi nó vẫn nổi bật; xem *NAB*, 1 Mcb 1:41-50. Tuy nhiên, trực tiếp và giản dị như phong cách của mình, tác giả của 1 Mcb có khả năng mô tả sống động (6:39), và thậm chí nhiệt tình (2:48; 4:24; 5:63). Đôi khi, cảm xúc mãnh liệt của ông khiến ông đưa thơ vào (1:26-28; 1:36-40; 2:7-13; 3:3-9; 3:45; 14:6-15), nhưng phần lớn, lời kể của ông phản ánh nhà sử học tỉnh táo về các sự kiện được mô tả.

Được viết theo thể loại lịch sử bi thương hoặc hùng biện, 2 Mcb được đặc trưng bởi những con số phóng đại (cũng như 1 Mcb), sự sáng chế ra đối thoại và sự du nhập phép lạ. Do đó, tác phẩm của Jason đại diện cho những gì hay nhất của thể loại này và có thể xếp hạng cao ngang hàng với các tác phẩm tương tự của các nhà văn trước đó trong trường phái lịch sử bi thương: Theopompus thành Chios, Clitarchus và Phylarchus thành Naucratis. Trong thể loại này, sự thật không phải là mục tiêu duy nhất của nhà văn; ông cũng tìm cách mang lại niềm vui bằng cách kích thích cảm xúc của người đọc. Tuy nhiên, một khi đã tính đến thể loại văn học mà ông viết, tác phẩm của Jason có giá trị lịch sử và giá trị đáng kể.

Xây dựng cũng là mục đích của người tóm tắt. Ông nói với người đọc rằng ông không quan tâm đến chi tiết chính xác (2:28), để lại điều đó cho Jason (2:30); thay vào đó, ông muốn làm vui lòng (2:25). Ông thực hiện điều này bằng cách đơn giản hóa tác phẩm của Jason, trích một số phần, rút gọn những phần khác. Trong suốt tác phẩm của ông, tinh thần của lòng mộ đạo được thổi vào, theo phong cách Biệt Phái. Đối với quan điểm cho rằng 2 Mcb thuật lại cuộc bảo vệ Giêrusalem và Đền thờ của Chúa và do đó là "Tuyên truyền của Đền Thờ," xem Doran, *Temple Propaganda*.

(VII). Tác giả và Niên đại. Những gì ít ỏi được biết về tác giả của 1 Mcb phải được thu thập từ chính cuốn sách. Ông là người Do Thái, một người theo chủ nghĩa dân tộc nhiệt thành và rõ ràng là một người ủng hộ nhiệt thành nhà Hát-mô-nê-ân (5:61-62). Cả kiến thức sâu sắc của ông về địa hình Palestine - điều này cho thấy ông là cư dân ở đó, có thể là ở Giêrusalem - và chi tiết sống động

mà ông mô tả các sự kiện mà ông kể lại cho thấy ông đã tiếp cận được những người tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng.

Những đặc điểm này cũng giúp xác định niên đại cho tác phẩm của ông. Không một tác giả theo chủ nghĩa dân tộc nào có thể ca ngợi người La Mã theo cách của 1 Mcb 8 sau khi Pompey chiếm đóng Giêrusalem, và do đó năm 63 trước Công nguyên là ngày muộn nhất có thể để biên soạn 1 Mcb. Giới hạn niên đại ban đầu của 1 Mcb nằm ở việc tác giả tham khảo tượng đài gia đình Hát-mô-nê-ân, được xây dựng tại Modin vào năm 143 và vẫn đứng vững "cho đến ngày này" (13:27-30). Việc nhắc đến ngôi mộ này đặt cuốn sách gần cuối thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên, và ghi chú về John Hyrcanus (134-104) ở 16:23-24 nêu rõ ngày này hơn nữa, vì nó giả định rằng một phần đáng kể hoặc toàn bộ triều đại của John đã trôi qua. Vì những lý do này, các học giả thường đồng ý rằng 1 Mcb được biên soạn (bằng tiếng Do Thái) gần đầu thế kỷ thứ 1 trước Công nguyên. Vào thời điểm nào nó tiến xa hơn vào tiếng Hy Lạp - ngôn ngữ qui điển của nó - không được biết đến.

2 Mcb có sớm hơn và được viết ở Ai Cập (Doran, *Temple Propaganda* 112-13] nói là Giêrusalem). Jason thành Cyrene là nguồn chính và tác giả đầu tiên của nó, một người, thậm chí Do Thái giáo chính thống và thành thạo nghệ thuật tường thuật hùng biện theo văn hóa Hy Lạp. Ông xuất hiện rõ ràng hơn trong tác phẩm của mình so với tác giả qui điển, người viết tắt không được nêu tên. Người viết bản tóm tắt có vẻ là một người có khuynh hướng Biệt Phái, mặc dù đôi khi người ta cho rằng Jason có khuynh hướng này, đôi khi cả hai.

Phần lớn báo cáo của Jason kéo dài từ năm 180 đến năm 160. Ông hẳn đã viết ngay sau đó, vì người viết bản tóm tắt đã rút gọn năm tập của Jason thành một tập dường như đã hoàn thành nhiệm vụ vào năm 124, ít nhất là nếu chúng ta đánh giá theo ngày tháng được tìm thấy trong lá thư đầu tiên về lễ hội (1:9). Vì những lá thư này là xác thực và được người viết bản tóm tắt dịch sang tiếng Hy Lạp, nên không cần phải đưa ra giả thuyết về một tác giả khác, người hiệu đính sau này do Eissfeldt và Dancy đưa ra hoặc kẻ làm giả mà Goldstein cáo buộc cho lá thư thứ hai.

(VIII) Mục đích và Nơi được ngỏ với. Mặc dù 1 Mcb là một tác phẩm lịch sử, nhưng nó có mục đích truyền đạt một bài học. Có lẽ nhằm mục đích cho thấy Chúa đang hành động trong lịch sử Do Thái trong Đế quốc X6-lê-u-kít vì Người đã từng ở trước đó trong lịch sử Do Thái, nó mô tả hành động cứu rỗi của Người trong cuộc đấu tranh của Ma-ca-bê chống lại chủ nghĩa ngoại giáo. Bài học của Mattathias và các con trai của ông là bài học mà mọi người Israel chân chính đều phải học. Lòng trung thành với luật pháp và đức tin vào Chúa đã đạt được nhiều hơn quy mô của quân đội hoặc sức mạnh của cánh tay (2:61-64).

Thông qua Giu-đa và những người anh em của ông, những tác nhân của sự quan phòng thương xót, sự giải thoát khỏi sự áp bức của người ngoại giáo đã đến với Do Thái giáo (2:48; 4:24-25; 9:21; 9:73; 14:26; 14:29). Những nỗ lực của họ đã giành được độc lập và một vương quốc, và mở đường cho sự can thiệp trong tương lai của Thiên Chúa (4:46; 14:41). Tất cả người Israel nên noi theo tấm gương của họ.

Tương tự như vậy, 2 Mcb có mục đích hướng dẫn và xây dựng. Có lẽ nó ít thiên vị công khai hơn 1 Mcb và nhấn mạnh nhiều hơn vào tầm quan trọng của Đền thờ và các chủ đề tôn giáo. Nó cũng cho thấy sự thành công của người Do Thái Palestine chống lại những người chủ ngoại giáo của họ và tìm cách củng cố đức tin của người Do Thái ở mọi nơi bằng tấm gương anh hùng của những người anh em bị ngược đãi (6:31). 2 Mcb cũng có xu hướng truyền bá các học thuyết thân thiết với trái tim của người Biệt Phái, ví dụ, sự phục sinh của người công chính (7:9; 14:46), nhưng tác giả theo đuổi mục tiêu này một cách có ý thức như thế nào thì thật khó để nói.

(IX) Giá trị lịch sử. Một số khiếu nại đã được đưa ra chống lại độ tin cậy về mặt lịch sử của 1 Mcb. Chủ nghĩa dân tộc của tác giả và tầm quan trọng quá mức mà ông dành cho các sự kiện Giu-đê-a (1:41-43; 3:27-31; 6:5-13) được cho là khiến tính khách quan của ông bị nghi ngờ. Ông chống lại Xê-lêu-kít (1:9-10), và hơn nữa, ông cho thấy sự thiếu hiểu biết về lịch sử, địa lý và tổ chức chính trị của các dân tộc nước ngoài. Chủ nghĩa dân tộc Do Thái của ông khiến ông thổi phồng số lượng kẻ thù, để có sự can thiệp của thần thánh mạnh mẽ hơn thay mặt cho nhà Hát-mô-nê-ân. Và ông đã sai lầm khi đặt cái chết của An-ti-ô-khô IV vào thời điểm sau lễ cung hiến Đền thờ. Những thiếu sót này và các thiếu sót khác về mặt lịch sử được cho là làm mất uy tín của ông như một phóng viên đáng tin cậy của thời kỳ đó.

Tuy nhiên, người ta không thể dễ dàng bác bỏ ông như vậy. Trong bối cảnh văn hóa của ông và các quy tắc sử học có hiệu lực vào thời điểm đó, ông là một nhân chứng đáng tin cậy của con người và các sự kiện. Ví dụ, sự quan tâm của ông trong các vấn đề địa hình (7:19; 9:2,4,33) và niên đại Do Thái (1:54; 4:52; v.v.) minh họa cho mối quan tâm thực sự của ông trong việc báo cáo các vấn đề một cách chính xác trong phạm vi khả năng và mục tiêu của mình. Việc ông đặt cái chết của An-ti-ô-khô là sai, nhưng mô tả của ông về nó lại tương ứng với mô tả của một nhân chứng độc lập, nhà sử học thế tục Polybius của Megalopolis (*Histories* 31.9). Bất chấp những hạn chế của mình, tác giả của 1 Mcb, như Dancy lưu ý, có "những câu chuyện dài trung thực và tinh tảo đến mức 1 Mcb xứng đáng được xem là ngang bằng nếu không muốn nói là vượt trội về giá trị

lịch sử, không chỉ với bất cứ cuốn sách nào của Cựu Ước mà còn với hầu hết lịch sử Hy Lạp còn sót lại" (Dancy, *1 Maccabees* 8).

Với sự khoan dung lớn hơn đối với bản chất hùng biện của 2 Mcb, tác giả của nó cũng có thể được coi là đáng tin cậy. Nếu không có ông, chúng ta sẽ không được thông tin đầy đủ về cuộc đấu tranh giành chức thượng tế liên quan đến Onias III, anh trai của ông là Jason và Menelaus vô đạo, cũng như về các sự kiện khác trước khi An-ti-ô-khê IV lên ngôi (2 Mcb 3-4). Đôi khi, 2 Mcb được nhà sử học thế tục ủng hộ ngay cả trong chi tiết - ví dụ, sự cống hiến cho thần Zeus ngôi đền trên núi Gerizim (2 Mcb 6:2; Josephus, *Ant.* 12.5.5 §261). Tóm lại, ông cũng có khả năng lịch sử, mặc dù phán đoán này không được phóng đại thành một trong những tính lịch sử tuyệt đối của ông. Các mô tả và sự phân bổ lại các sự kiện của ông phải được đánh giá dưới ánh sáng các mục tiêu thần học của ông.

11 (X) Mỗi quan hệ giữa Sách Ma-ca-bê thứ nhất và thứ hai. Trong phạm vi liên hệ giữa hai quyển sách này với nhau, những khó khăn nghiêm trọng nhất về mặt lịch sử đã xảy ra. Mô tả đầy đủ về các vấn đề liên quan nằm ngoài phạm vi của tác phẩm này (xem Abel và Starcky, *Maccabees* 35-49), nhưng việc thiết lập trình tự chính xác của chiến dịch đầu tiên của Ly-xi-a và các lá thư tiếp theo, cái chết của An-ti-ô-khê IV, việc thanh tẩy và cung hiến Đền thờ, và các cuộc chiến của Giu-đa với các dân tộc lân cận là vấn đề có tầm quan trọng đủ để được đề cập ở đây.

Khối tài liệu chính nổi bật trong trình tự lịch sử là 2 Mcb 11, mô tả chiến dịch đầu tiên của Ly-xi-a (Lysias) chống lại Giu-đa khi An-ti-ô-khê IV vẫn còn ở Ba Tư. Ba lá thư ghi lại kết quả của chiến dịch—người Do Thái sẽ được trao trả tự do tôn giáo. Để có vị trí thích hợp trong lịch sử, 2 Mcb 11 nên được chuyển đến sau chương 8.

Như hiện tại, chương 11 đã sai khi gán chiến dịch này của Ly-xi-a cho triều đại của vị vua tiếp theo, An-ti-ô-khê V Êu-pa-to (Eupator) (người kế vị Ê-pi-pha-nê trong 2 Mcb 10:10-11).

Sai lầm xảy ra vì người tóm tắt liên kết chiến dịch của Ly-xi-a và ba lá thư từ triều đại của Ê-pi-pha-nê (11:16-21,27-33,34-38) với lá thư của con trai ông Êu-pa-to (11:22-26). Gán tất cả tài liệu cho Êu-pa-to, người tóm tắt đã thực hiện chiến dịch đầu tiên này của Ly-xi-a sau cái chết của An-ti-ô-khê IV, trong khi trên thực tế, nó đã diễn ra trước đó.

Do Thái giáo trong thời kỳ Ma-ca-bê tuân theo một lịch về cơ bản giống với lịch của chế độ quân chủ Xê-lêu-kít. Tuy nhiên, năm Xê-lêu-kít có một điều kỳ lạ là sự khởi đầu của nó đôi khi được tính từ mùa xuân (từ 1 Nisan—tháng 3-tháng 4

của chúng ta—ở Babylon và trong phép tính nghi lễ của người Do Thái) và đôi khi từ mùa thu (từ 1 Dios — tương ứng với Tishri Do Thái, tháng 9-tháng 10 của chúng ta—trong phép tính chính thức của Xê-lêu-kít).

Các nhà chú giải trước đó cho rằng 1 Mcb tính sự khởi đầu của các năm trong niên đại của nó từ mùa xuân và 2 Mcb (trừ 2 Mcb 1:1-2:18) tính sự khởi đầu của năm từ mùa thu. Nhưng việc phát hiện ra Bảng đá Bảo tàng Anh 35603 (A. Sachs và J. Wiseman, Iraq 16 [1954] 202-12, tấm 52) đã dẫn đến việc đánh giá lại trình tự thời gian của cả hai cuốn sách của Schaumberger (*Bib* 36 [1955] 423-35), người có nghiên cứu đã đóng góp nhiều vào việc làm rõ trình tự cách tính thời gian của Ma-ca-bê.

Trên thực tế, 1 Mcb tuân theo phép tính mùa thu cho đầu năm (trừ trường hợp liên quan đến Đền thờ), và 2 Mcb bắt đầu những năm của mình tính từ mùa xuân, theo cách tính cổ xưa hơn của người Babylon.

Cách tính thời gian được cải cách này đòi hỏi phải sửa đổi trình tự các sự kiện trong 1-2 Mcb. Việc vừa kể đúng khi đặt cái chết của An-ti-ô-khô IV Ê-pi-phanê trước lễ cung hiến Đền thờ (2 Mcb 9:1-29; 10:1-9), và 1 Mcb có thứ tự sai (1 Mcb 4:36-61; 6:1-17).

An-ti-ô-khô mất vào khoảng tháng 10 năm 164 TCN (vào năm Xê-lêu-kít 148, nếu người ta bắt đầu năm vào mùa xuân, như B. M. Tablet 35603 đã làm; vào năm Xê-lêu-kít 149, nếu người ta tính từ mùa thu như 1 Mcb 6:16 đã làm), và Đền thờ được cung hiến vào ngày 14 tháng 12 năm 164 TCN (1 Mcb 4:52; 25 Kisleu, năm 148 của Xê-lêu-kít, tính thời gian này là bắt đầu vào mùa xuân). Vị trí chính xác của cái chết của An-ti-ô-khô ở 1 Mcb đòi phải di chuyển 1 Mcb 6:1-17 đến trước 4:36-61.

Sự thay đổi này sau đó đưa ra một góc nhìn lịch sử chính xác về các trận chiến của Giu-đa được thuật lại trong 1 Mcb 5, xảy ra khi Ê-pi-phanê chết, như 2 Mcb 10 và 12, các song hành với 1 Mcb 5, giả thiết.

Những sự kiện này được sắp xếp hợp lý trong bản tóm tắt sau:

1 Mcb

4:1-27 Trận chiến ở Emmaus (165TCN)

4:28-35 Chiến dịch đầu tiên của Ly-xi-a và phần tiếp theo của nó (164) 11:1-21; 11:27-12:1

6:1-16 Cái chết của An-ti-ô-khô IV Epiphanes (164)

6:17 Lên ngôi của An-ti-ô-khô V Eupator (164)

2 Mcb

8:8-29, 34-36

9:1-9

10:10-11

(XI) Giáo lý thần học. Phản ánh một giai đoạn trong lịch sử Do Thái ít được biết đến, 1-2 Mcb có ý nghĩa đặc biệt trong sự phát triển của mặc khải. Chủ nghĩa độc thần tuyệt đối của họ là không thể nghi ngờ. 1 Mcb thậm chí còn tôn trọng vị thần siêu việt đến mức không đề cập đến tên của Người. Thiên Chúa không thể diễn tả được đến nỗi tác giả của 1 Mcb không thể làm gì hơn ngoài việc ám chỉ đến vị thần bằng danh xưng "Thiên đàng" (3:18,50; 4:10; v.v.) - thu nhỏ lại từ kiểu nói "Thiên Chúa của Thiên đàng" trước đó của thời kỳ Ba Tư (Er 1:2; Nkm 1:4) - hoặc thậm chí chỉ bằng đại từ nhân xưng "Người [Him]" (2:61) hoặc "Ngài [You]" (7:37,41). Mặc dù xa cách, Thiên Chúa có thể được tìm thấy trong lời cầu nguyện (3:50-53; 4:30-33) và trong lề luật (3:48), nơi tiếng nói của Người giờ đây được nghe rõ ràng như trong lời của các tiên tri (Gr. 1:9), những người đã biến mất vào lúc này (4:46; 14:41). Lề luật tiếp tục giao ước của các Tổ phụ (2:20-21,50), giao ước thánh (1:15), và việc tuân thủ lề luật mang lại danh dự (2:49,64; 3:3; 9:10) và sự hiện thực hóa các lời hứa cổ xưa (Gr 31:31; xem Br 2:35). Sự không trung thành với lề luật dẫn đến cái chết và sự trừng phạt (3:21-11; 3:49). Giu-đa và anh em của ông đã hành động như một vị cứu tinh (9:21; 14:29) và thẩm phán (9:72), giải cứu Israel và khôi phục lại cơ nghiệp cổ xưa của họ (15:33-34). Nhiệt thành với lề luật, mối liên kết giữa Thiên Chúa và dân của Người, họ chiến đấu với những kẻ áp bức ngoại giáo và đồng minh của chúng, tức những người Do Thái phản bội (2:44-48).

Được phát triển như thần học của 1 Mcb, thần học của 2 Mcb phong phú hơn. Theo phong cách Sê-mit, Jonathan mô tả sự uy nghiêm của Thiên Chúa bằng cách trình bày chi tiết các thuộc tính thần linh trong 1:24-. Chỉ có Thiên Chúa là vua và nhân từ, quan phòng, công bằng, toàn năng và vĩnh cửu. Quyền năng thần linh vĩ đại đến nỗi các tạo vật không được tạo ra từ những thứ đã hiện hữu (7:28), mà từ hư không. Người đã quan phòng khi chọn dân của mình và trông nom họ (1:25). Người ngự giữa họ trong Đền thờ (13:35-36), Đền thờ vĩ đại nhất, thánh thiện nhất và nổi tiếng nhất trên trái đất (2:19,22; 5:15; 14:31; 15:41).

Người Do Thái có lề luật, và nếu họ tuân thủ lề luật, đặc biệt là ngày sa-bát (8:27; 15:1-4), Chúa sẽ thương xót họ (8:27). Nhưng đối với những kẻ vô đạo, Người là một thẩm phán công chính (12:6), và khi tai họa xảy ra, Israel chỉ có thể tự trách mình (4:10-17; 6:12-16; 7:18; 10:4; 12:40-41). Tuy nhiên, sự sám hối có thể khôi phục lại mối quan hệ tình bạn và sự hòa hợp với thần linh (7:32-33,37-38; 8:5; 12:42-45).

Thiên Chúa không bỏ rơi những người công chính của Người mà không có sự giúp đỡ. Người là người bảo vệ họ (7:6; 8:36; 12:11), sự giúp đỡ của Người có thể được tìm kiếm trong lời cầu nguyện và sự hy sinh (3:22). Người thậm chí còn sai các đạo quân trên trời ra trận thay mặt cho dân (3:23-30; 10:29-31; 11:6-10). Bất cứ ai ngã xuống trong cuộc chiến công chính (12:45) hoặc trong cuộc bách hại như những người tử vì đạo (chương 6, 7) đều có thể hy vọng được sống lại (7:9,23; 14:46) trong tình trạng khỏe mạnh hoàn toàn (7:11; 14:46), trong khi những kẻ vô đạo sẽ bị trừng phạt và vẫn phải chịu sự hành hạ (5:9-10; 7:13-14, 17, 19,35; 9:18; 13:7-8). Lời cầu nguyện chuyển cầu làm tăng sự giao dịch giữa trời và đất, vì không chỉ các thiên thần (như trước đây, Gióp 5:1; 33:23) mà cả các thánh trong quá khứ cũng cầu xin Thiên Chúa cho Israel (15:12-16). Cũng có lời cầu nguyện chuyển cầu trên trái đất, mà qua đó mọi người có thể giúp đỡ người đã khuất của họ bằng lời cầu nguyện và của lễ (12:44-45).

Trong các lập trường giáo lý của mình, 2 Mcb thuộc trường phái Pharisiêu trong khi tư tưởng của 1 Mcb gần với tư tưởng của Người Sa-đốc.

(*) *The New Jerome Biblical Commentary, Student Edition các tr.421-425*